

Phản Năm

Cuộc Vượt biên và Những Tháng Ngày ở Trại Tỵ Nạn

Tình hình kinh tế Việt Nam trong năm 1978 thực bi đát. Chiến sự giữa Việt Nam và Kampuchia ngày càng trở nên nghiêm trọng, trong khi đó Trung quốc không ngừng gia tăng áp lực trừng phạt Việt Nam. Chính phủ đã thấy rõ những sai lầm trong việc sử dụng trí thức Miền Nam và đang tìm cách sửa sai.

Giữa năm 1978, tôi đang làm công nhân nhà máy sơn An Đông thì được lệnh chuyển về Tổng cục Hóa chất, làm chuyên viên nghiên cứu. Ngày ngày sang thư viện của bệnh viện Saint Paul để nghiên cứu. Tinh thần làm việc lúc đó rất kém, lương mỗi ngày chỉ được 500 đồng, đủ ăn tô bún riêu không thịt.

Tôi đã dành nhiều thì giờ để hoạch định cách vượt biên. Đầu năm 1978, theo đề nghị của một người bạn, chúng tôi đã nộp trước mỗi người một lượng vàng cho cuộc vượt biên tại Phan Thiết. Hàng tuần chúng tôi gặp nhau, uống bia tại nhà hàng Pagoda, để thảo luận chi tiết vượt biên. Chờ mãi hơn 6 tháng chẳng thấy tin tức gì, biết là đã bị gạt, tôi đành tìm cách tự mình tổ chức cuộc vượt biên. Tôi đã thảo luận việc này với người em vợ, Trần Chí Dũng – TCD, đang làm việc tại nhà máy Nhiệt điện Trà Nóc. Năm 1973 tôi đã giới thiệu Dũng vào làm việc tại nhà máy này.

Lúc đó, nếu đi theo lối chính thức – được chính quyền địa phương bảo đảm, thì mỗi người lớn phải đóng 10 lượng vàng và mỗi trẻ em đóng 5 lượng vàng, như vậy tổng cộng gia đình tôi phải có 40 lượng. Đây là số tiền vượt ngoài khả năng của chúng tôi. Lúc đó tiền và vàng của chúng tôi chỉ vào khoảng 10 lượng. Tuy nhiên đi theo lối chính thức chưa phải là hoàn toàn đảm bảo.

Do đó chúng tôi chỉ còn con đường duy nhất là tự mình tổ chức lấy cuộc vượt biên.

Thời gian này, việc đi lại các bãi biển rất hạn chế, chứ đừng nói đến việc mua ghe, dù là loại đi trong sông. Phải là ngư dân chuyên nghiệp có giấy phép mới được phép mua ghe lớn đi biển.

Rất may mắn cho chúng tôi là lúc đó Trần Chí Dũng có quen một người tên ông Hai, cùng làm trong toán điều hành tại nhà máy điện Trà Nóc, trước đây làm nghề đánh cá. Ông Hai gợi ý: nếu ông anh của Dũng muốn vượt biên, ông có thể giúp đứng tên mua ghe đi sông, rồi tân trang ghe để có thể đi biển, đồng thời ông cũng hứa sẽ giúp tôi tìm bãi xuất phát an toàn. Trong lúc không còn phương cách nào khác, tôi cảm thấy giải pháp do ông Hai đề nghị có thể thực hiện được.

Chúng tôi hơi do dự vì tiền mua ghe khá lớn. Hơn nữa việc ông Hai đứng tên sở hữu chiếc ghe, có gì đảm bảo là ông sẽ giúp chúng tôi hay là giựt luôn tài sản duy nhất còn lại trong tình hình kinh tế bi đát hiện nay. Sau năm 1975, hoàn cảnh kinh tế kiệt quệ khiến nhân tâm sa đọa, ngay cả anh em trong gia đình còn có thể lường gạt nhau, huống chi người chưa quen biết nhiều.

Tôi suy nghĩ vài ngày và quyết định mua ghe để ông Hai đứng tên. Tôi không còn con đường nào khác. Tiền mua ghe khoảng 10 lượng vàng (lối 6 ngàn đô), vào năm 1978. Sau này chúng tôi còn phải bỏ tiền mua máy mới cùng các phụ tùng. Ngoài ra còn phải mua dầu chạy máy và đặc biệt cần một số tiền lớn để mua bãi xuất phát.

Lúc đó tôi có một người bạn trẻ, Hà, con của một chủ tiệm vàng ở chợ An Đông. Vợ chồng Hà và đứa cháu đồng ý góp tiền để vượt biên; nhưng yêu cầu tôi chớ khai tên họ nếu bị phát hiện. Tôi chấp nhận điều kiện và hứa sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm. Nhờ đó tôi hăng hái tiến hành kế hoạch của ông Hai. Chúng tôi bắt đầu tiến hành nhanh chóng việc bán hầu hết tư trang cũng như thuốc còn lại sau khi đóng cửa nhà thuốc Tây của Cúc.

Trong thời gian này, qua đài phát thanh BBC chúng tôi được biết Trung quốc sẽ tấn công Việt Nam, chậm nhất là đầu năm 1979, do đó chúng tôi phải xuất tiến nhanh chóng cuộc vượt biên.

Do tình hình vượt biên ngày càng tăng, nên ghe thuyền rất khó mua, đặc biệt phụ tùng cho vượt biên như máy chính chạy ghe, máy đuôi tôm, la bàn, nhất là xăng dầu rất khan hiếm.

Vài tuần sau, Trần Chí Dũng - TCD báo tin đã mua được ghe. Tôi rất mừng và thu xếp công việc nhà cũng như xin nghỉ bệnh để có thể vắng mặt vài ngày tại cơ quan mà không bị nghi ngờ.

Tôi vội vã đi cửa Đại Ngãi để xem ghe và bàn kế hoạch tân trang. Theo nghiên cứu của tôi, cửa Đại Ngãi là một xã thuộc tỉnh Sóc Trăng, rất gần với cửa biển. Dân cư tại các vùng lân cận như ấp Long Phụng đã là nơi xuất phát an toàn cho nhiều nhóm vượt biên trước đây.

Tôi phải dùng xe đạp để đi từ Thủ Đức về Phú Lâm, rồi gởi xe đạp ở đó để đón xe đò đi Cần Thơ. Từ bến xe Cần Thơ tôi được người em, TCD đưa đi bằng xe Honda ôm ra xe bến xe đò đi về chợ Sóc Trăng. Tại chợ, ông Hai chờ tôi ở quán cà phê đã dặn trước. Chúng tôi bí mật ra chợ cá để từ đó đến bãi đậu ghe. Đường đi quanh co nhằm tránh mặt người địa phương cũng như đồn bót Công an và dân phòng. Đầu óc tôi luôn luôn căng thẳng, phần sợ bị bắt, phần sợ lạc đường.

Khi đến nơi, tôi đứng trên ghe, giữa sông và cảm thấy xây xẩm mặt mày như muốn xỉu. Ghe dài chưa đầy 11 thước và bề ngang hơn 2 thước. Không biết vì gió lạnh trên sông hay vì thấy ghe quá nhỏ khiến tôi không tin là ghe đủ sức để đi biển, nên bị xỉu. Tuy nhiên nay đã mua được ghe, chúng tôi không còn có thể thay đổi ý định vượt biên.

Nhiều công việc phải tiến hành nhanh chóng: mua máy mới, mua dầu từng lít để tích trữ cho đủ số lượng trước khi ra đi. Sau đó là việc mua la bàn và thực phẩm.

Trong hai tháng sau đó, từ tháng 11 đến tháng 12, 1978, tôi thường xuyên đi Cần Thơ, rồi từ đó đi về cửa Đại Ngãi, tỉnh Sóc Trăng, để đốc thúc công việc. Nhiều khi tôi đi một mình hay với sự giúp đỡ của Lộc, con của đại gia xe đò Lộc Thành trước đây. Lộc không có ý định vượt biên và đang sinh sống bằng nghề lái xe vận tải chuyên chở hàng hóa từ Miền Tây về Sài Gòn.

Trung bình hai ngày cho mỗi chuyến, cả đi và về. Nếu ở lâu, dân phòng địa phương có thể phát hiện sự vắng mặt của tôi. Tôi phải tiếp tục làm việc tại Tổng cục Hóa chất để đánh lừa chính quyền. Ngoài ra tôi cũng ghi danh học tiếng Liên xô để chứng tỏ thực sự muốn đóng góp.

Giai đoạn đó chúng tôi không có tiền để sắm bỏ cho có đủ sức đạp xe từ Thủ Đức về Sài Gòn, có khi phải đạp xe đến tận Phú Lâm để gọi xe tại nhà các bạn thuộc gia đình hãng xe đò Lộc Thành mà 15 năm trước tôi đã làm gia sư. Vừa thiếu ăn vừa lo lắng không biết tương lai sẽ ra sao nên tinh thần rất căng thẳng. Tuy nhiên ngoài mặt vẫn phải giữ vẻ bình thường để lảng giềng và chính quyền không phát hiện ý đồ của mình. Ngay cả với thân nhân và bạn bè thân thiết, tôi cũng không dám nói rõ ý định vượt biên của mình, vì e ngại họ sẽ bị liên lụy nếu bị phát giác.

Trong một chuyến đi Cần Thơ về, vì kẹt xe, nên tôi về Thủ Đức rất trễ, lối 7, 8 giờ tối. Đường xa lộ Sài Gòn-Biên Hòa tối đen, xe đạp của tôi không đèn, tôi chỉ đạp xe chậm chậm theo ánh đèn của những xe gắn máy khác. Thành linh tôi nghe một tiếng động thật lớn cùng với tiếng trẻ con khóc, và sau đó tôi chẳng còn biết gì nữa. Sau khi nằm liệt trên lề đường xa lộ một lúc, lúc tỉnh dậy tôi mới biết mình đã bị xe gắn máy đụng và nằm ở đó khá lâu. Khi về đến nhà thì đã 11 giờ đêm. Thấy tôi về trễ với mặt đầy máu khô, Cúc hỏi chuyện mới biết là tôi bị xe gắn máy không đèn đụng và nằm bất tỉnh ở xa lộ, ít nhất hơn một giờ. Cúc phải nhờ bạn đưa tôi ra bệnh viện Thủ Đức để điều trị. Quả là may mắn, nếu có xe hơi chạy sát lề khi tôi nằm ở đó, chắc chắn tôi đã bị cán chết. Sau tai nạn này tôi không còn dám đi xe đạp một mình trên xa lộ vào ban đêm.

Tôi chưa hề đi biển và không có kinh nghiệm lái ghe trên biển. Lúc đó người em kể tôi, nguyên là đại úy hải quân đang ở trong trại cải tạo, tôi không thể chờ đến ngày người em này trở về để lái ghe cho chúng tôi. May mắn cho chúng tôi là tại nơi làm việc, Tổng cục Hóa chất, tôi có quen một người tên Bút, trước đây cũng là đại úy hải quân. Tôi có đề nghị Bút lái ghe cho chúng tôi và hai vợ chồng Bút được đi vượt biên miễn phí.

Trong việc chuẩn bị vượt biên, phần lớn công việc thông tin và liên lạc đều do Trần Chí Dũng (TCD), em của Cúc đảm trách. TCD quen nhiều bạn ở địa phương: Cần Thơ, Long Xuyên và Sóc Trăng, nên có thể giúp mọi người tập trung đúng hẹn và đúng chỗ. Khi gần đến ngày đi thì có Trần Chí Thành (TCT), một người em khác của Cúc, em của Dũng, có ý muốn tham gia cuộc vượt biên. TCT là kỹ sư công nghệ, sẽ giúp nhiều cho việc sửa chữa, nếu máy móc bị hư.

Khoảng một tháng trước khi ra đi tôi có mời ba tôi đang ở Qui nhơn về Sài gòn. Tôi có trình bày nội dung chuyến vượt biên. Ba tôi vì mến các cháu, nên muốn đi cùng. Nhưng tôi không muốn đưa ba tôi đi vì tuổi đã cao, gần 80, tôi cũng không chắc chuyến vượt biên này sẽ thành công. Tôi biết nhiều bạn đã phải mất từ 5 đến 10 chuyến mới thành công. Phần khác, tôi có hai người em kế còn trong trại học tập, ba tôi cần có mặt ở trong nước để giúp hai gia đình này vượt qua những thách thức trước mắt. Ba tôi còn có ba người con khác: một người ở Qui nhơn, một người con gái ở Nha trang và người con đầu ở Sài gòn, có nhiều cháu. Do đó tôi sẽ bị nhiều người oán giận nếu ba tôi có mệnh hệ gì khi vượt biên. Một lý do không kém phần quan trọng, xét về mặt tài chánh. Chúng tôi chỉ còn căn nhà tại Thủ Đức và chút ít tư trang. Chúng tôi muốn để lại cho ba tôi nếu vượt biên thành công. Nếu thất bại, chúng tôi trở về và còn nơi sinh sống tại căn nhà này. Ba tôi rất buồn vì sẽ phải chia tay, có thể không còn nhìn thấy nhau nữa nếu chúng tôi chết trên biển cả.

Sau này khi tôi đang ở cửa Đại Ngãi để lo liệu công việc, Cúc phải tự lo liệu việc đưa các con đi về Sài gòn để tập trung trước khi đón xe đò đi Sóc trăng, chắc ba tôi buồn rất nhiều. Tôi không có mặt nên không biết tình cảm của mình như thế nào.

Phải công nhận là mọi việc đều có sự sắp đặt vô hình, giúp chúng tôi thành công. Chúng tôi không có kế hoạch chính xác về thời gian phải ra đi. Mọi việc đều dựa trên tiến trình tân trang ghe. Đặc biệt là phải chờ cho đến khi ông Hai tìm được bãi xuất phát an toàn để mọi người tập trung. May mắn là ông Hai có người anh em cột chèo, nguyên là cán bộ công an địa phương tại xã Long Phú gần cửa Đại Ngãi, ông này đồng ý bảo vệ chúng tôi khi đến nơi tập trung và tháp tùng chúng tôi ra đến cửa biển.

Gần đến Tết Âm lịch thì công việc tổ chức hoàn tất, tôi cho lệnh mọi người tập trung về chợ Sóc Trăng; từ đó sẽ có người nhà của ông Hai hướng dẫn về cửa Đại Ngãi. Tôi phải có mặt ở Đại Ngãi trước để điều khiển công việc. Cúc sẽ được vợ chồng Hà giúp đỡ để đưa bốn cháu Trường (10 tuổi), An (7 tuổi), Nhựt (4 tuổi) và Minh (chưa đầy 2 tuổi) đi xe đò về chợ Sóc Trăng.

Thời gian chúng tôi chuẩn bị ra đi cũng là lúc Trung quốc đang tiến hành cuộc chiến tranh huynh đệ, nhằm trừng trị Việt Nam vì đã xâm chiếm Kampuchia và liên kết với Liên Xô.

Thử thách ban đầu

Qua thông tin của tôi, TCD báo cho Hà biết để tập trung về chợ Sóc trăng, trước khi đến bãi xuất phát. Hà mượn taxi lên Thủ Đức đưa Cúc và 4 đứa con chúng tôi về điểm hẹn đầu tiên ở Sài Gòn. Vì gần đến Tết Âm lịch, nên Cúc có thể lấy có đưa các cháu đi dự lễ Tất niên tại cơ quan của tôi. Mọi người đều ăn mặt tươm tất như đi dự tiệc. Ba tôi gần như muốn khóc khi phải từ giã con dâu và bốn cháu nội. Ba tôi muốn đi cùng, nhưng như nhiều lý do trình bày trên, chúng tôi không dám mạo hiểm đưa ông đi. Tuy nhiên chúng tôi đã chuộc lỗi này bằng cách để lại một số vàng do các em và các cháu tham gia bất ngờ vào phút cuối cùng của chuyến vượt biên. Sau này khi biết tin chúng tôi đến được đảo Biđông, Ba tôi bán căn nhà ở Thủ Đức và về sống với gia đình người anh cả của chúng tôi tại Tân Quy Đông. Nhờ số tư trang để lại cũng như với tiền chúng tôi gửi về từ Canada, ba tôi đã có được cuộc sống an nhàn.

Tại Saigon, Cúc gặp gia đình Hà và cô em dâu của tôi (vợ của Lê Quang Chương, đại úy hải quân, đang còn trong trại học tập). Nhóm này đi xe đò ra bến xe Phú Lâm, rồi từ đó đón xe đò đi Cần Thơ. Vì gần Tết, nên xe đò được phép chạy đêm cho đến giờ giới nghiêm.

Tình hình chiến tranh giữa Việt Nam và Kampuchia (phe Pol Pốt) đang vào thời cao điểm. Đêm đêm có tiếng pháo kích từ xa. Xe đò đi được nửa đường thì đến giờ giới nghiêm, không được chạy nữa. Cúc và 4 con phải ngủ ở vỉa hè nhà dân tại địa phương. Rất may mắn lúc đó các cháu đều khỏe mạnh, nên dù trong đêm hôm lạnh lẽo, không cháu nào bị bệnh.

Sáng hôm sau, nhóm này lại đón một xe khác để đi Cần Thơ. Từ Cần Thơ họ phải đón xe đò đi Sóc Trăng. Chưa bao giờ Cúc phải tự mình lo cho bốn cháu, đi qua những chặng đường đầy nguy hiểm như vậy.

Trục trặc lần đầu: Máy chính của ghe bị hư

Khi đến chợ Sóc Trăng, mọi người gặp TCD và được tin cuộc vượt biên bị hoãn lại vì máy chính của ghe bị hư. Tất cả mọi người phải về nhà ba má của Cúc ở Long Xuyên để chờ lệnh mới, có thể hai hay ba ngày.

Khi đi từ Sóc Trăng về Cần Thơ, cô em dâu của chúng tôi lấy lý do ghé thăm ba nuôi nên ở lại Cần Thơ vài giờ, trước khi về Long Xuyên gặp Cúc. Sau đó cô em này không đi nữa vì cảm thấy quá nguy hiểm. Về đến Long Xuyên thì Hà tranh thủ về Thủ Đức để xem nhà có bị chính quyền tịch thu, vì đã vắng mặt hai ngày.

Trong khi chờ lệnh mới, Cúc có ý định đem theo đứa em út hoặc đứa cháu nội. Nhưng Ba của Cúc cực lực phản đối, vì ông quá thương con và cháu và không tin là chúng tôi sẽ thành công.

Khác với ba của tôi, ba của Cúc không thích mạo hiểm và ông cam phận sống tại quê nhà hơn là phiêu lưu nơi xứ người. Với số người tập trung khá đông trong nhà ba má của Cúc, hàng xóm đều nghi là chúng tôi đang chuẩn bị vượt biên; nhưng không có cách nào để trấn an mọi người.

Hai hôm sau, tôi cho lệnh tập trung lần thứ hai, lúc đó Hà chưa trở lại Long Xuyên, nên vợ và con Hà phải ở đó chờ chồng. Những người khác đều ra xe đò đi Sóc Trăng. Trước khi đi TCD có chỉ dẫn đầy đủ chi tiết để vợ chồng Hà có thể tự mình đi Sóc Trăng, để gặp chúng tôi, tham gia cuộc vượt biên. Tình hình lúc đó rất căng thẳng, ở quá lâu thì dân phòng chung quanh nhà ba má Cúc sẽ phát hiện và sẽ bị bắt. Tôi đang ở Đại Ngãi nên không biết việc Hà quay về Thủ Đức để xem chừng nhà. Đây là một hành động thiếu suy nghĩ vì trên đường đi Hà có thể bị bắt. Chúng tôi ở xa nhau nên không có đủ thông tin để kiểm tra và giúp đỡ từng người. Điều này chứng tỏ việc tổ chức vượt biên vô cùng nguy hiểm và phức tạp, dù chỉ với một nhóm nhỏ với 30 người.

Trục trặc lần thứ hai: Hai ghe không tìm thấy nhau để ra biển

Chờ mãi đến 5-6 giờ chiều, vợ chồng Hà vẫn chưa đến, tôi đành phải cho lệnh xuất phát.

Mọi người tập trung tại nhà người xuôi gia của ông Hai để chuẩn bị xuất phát. Bãi xuất phát là xã Long Phú gần cửa biển hơn so với cửa Đại Ngãi. Khi đi đò qua sông, những người địa phương đều phát hiện: đây là những người vượt biên. Tuy vậy, dân chúng chẳng phản đối hay báo cáo với chính quyền địa phương. Dân địa phương, mặc dù không nói ra, nhưng họ ủng hộ những người vượt biên. Lần đầu tiên Cúc phải đi bộ không mang dép: vì khi rời khỏi đò, các lái đò đều xin giữ lại giày dép và guốc, vì họ tin rằng người vượt biên thường giấu vàng trong đó.

Vừa na con mọn (Minh chưa đầy 2 tuổi) vừa đeo kính cận đậm màu, chẳng giống bất cứ người dân địa phương nào, nên đến đâu cũng bị kêu là dân vượt biên. Mọi người đều nhẫn nhục không nói tiếng nào, mong cho đi thật nhanh để đến được bãi xuất phát. Gia đình xui gia của ông Hai là người nhân đức, đã hết lòng giúp đỡ chúng tôi trong cơn hoạn nạn. Tuy họ có nhận tiền và vàng của chúng tôi, nhưng tất cả đều một lòng giữ đúng lời hứa, không lợi dụng cơ hội để đòi thêm tiền. Nghĩa cử này khiến chúng tôi suốt đời ghi nhớ, mãi cho đến ngày hôm nay. Cá nhân tôi, đã phiêu bạt ở chợ Sóc trăng nhiều lần nên rất thông cảm với những đòi hỏi hợp lý của gia đình ông Hai và gia đình xui gia của ông Hai.

Lối 6 giờ chiều, tôi và ông Hai đi ghe chính để vượt biên; những người khác đi ghe nhỏ. Hẹn nhau ở cửa biển để sang ghe chính rồi ra khơi. Tuy nhiên vì trời tối nên cả hai bên không nhìn thấy nhau. Tôi đành đưa ghe trở về bãi xuất phát. Về đến nơi thì đã thấy mọi người đang hỏi hớp chờ tôi. Vui mừng vì được đoàn tụ, cả vợ chồng Hà cũng vừa từ Long Xuyên đến. Tôi định sẽ xuất phát vào ngày hôm sau. Nhưng vì tiếng ồn ào vang lên cả xóm, nên có thể sẽ bị công an đến bắt; do đó không thể chờ đến sáng hôm sau, nên tôi quyết định ra đi ngay lúc 3 giờ sáng.

Trục trặc lần thứ ba: Mắc cạn

Lần này chúng tôi đi chung một ghe. Ông Hai và vài người nữa đi trên một ghe nhỏ để hướng dẫn chúng tôi ra cửa biển. Trên ghe có tất cả 20 người lớn và 10 trẻ em, từ chưa đầy 2 tuổi đến 10 tuổi. Ngoài gia đình của tôi (6 người), vợ chồng Bút 2 người, các gia đình Hà, TCD, TCT (mỗi gia đình 3 người), phần còn lại là các em cháu của gia đình TCD và TCT.

Ghe đi được hơn một giờ thì mắc cạn. Chúng tôi nhảy xuống sông thì thấy nước chỉ đến mắt cá. Kiểm tra máy móc thì thấy chong chóng cánh quạt đẩy ghe đều bình thường.

Rất may là một thời gian sau động cơ quay được chong chóng. Lý do là thủy triều đang lên nên ghe được nâng cao, cánh quạt không còn vướng các bãi sậy, cỏ, sen hay súng.

Nếu không kịp thời ra đi thì có thể khi mặt trời lên, đồn công an cửa biển phát hiện và không biết việc gì sẽ xảy ra.

Trên đường ra biển, chúng tôi có nhìn thấy vài tàu nhỏ của đội Hải thuyền. Ban đầu việc lái ghe do anh Bút, nguyên là đại úy Hải quân đảm trách. Nhưng vì Bút chỉ là sĩ quan văn phòng, nên không biết nhiều về hải hành, có lúc đã muốn tiến gần đến các ghe của đội Hải thuyền.

Do đó các em vợ tôi hốt hoảng và yêu cầu tôi phải tự lái tàu. Vợ chồng Bút như vậy đã được một chuyến vượt biên miễn phí, không phải làm bất cứ việc gì.

Khi ra đến cửa biển, chúng tôi thường theo hướng mặt trời mọc và mặt trời lặn để định hướng lái ghe về hướng Nam. Mặc dù có la bàn, nhưng chúng tôi không có kinh nghiệm hải hành, nên ít khi dùng. Ghe bị nước vào nên chúng tôi phải thay phiên nhau tát nước, nếu không sẽ bị chìm.

Chủ đích của chúng tôi khi ra đi là mong gặp tàu buôn quốc tế để được cứu vớt, chứ không nghĩ là chúng tôi có đủ tài nguyên để đến được Thái Lan hay Mã Lai.

Trong khi chuẩn bị, chúng tôi theo dõi tin tức từ đài BBC. Tin tức đều rất phần khởi. Có ngày BBC cho biết một ghe với 20 người đến được SongKhai. Tuần sau BBC báo tin ghe chở 45 người lớn và trẻ em cập bến Galang. Tuyệt nhiên BBC không bao giờ có tin tức về hàng trăm ghe bị chìm hay hàng ngàn người chết trên biển cả.

Qua tin tức của đài BBC mọi người đều tin tưởng là tất cả mọi cuộc vượt biên đều thành công. Đó cũng là lý do khiến chúng tôi lạc quan và cương quyết ra đi. Thực tế không phải như vậy.

Sau này khi đến đảo Bidông, chúng kiến cảnh những người bị hãm hiếp hay những ghe bị cướp bóc, những ghe bị chìm trên biển, chúng tôi mới biết là mình đã làm một việc vô cùng đại dột, nếu không muốn nói là quá ngây thơ. Chúng tôi đã quá ngây thơ, đã dùng một chiếc ghe đi trong sông, dài chưa đến 12 thước, với động cơ 10 mã lực, để đưa 30 con người vượt biển cả. Sau này, trong khi làm việc tại trại Bidông, tôi đã chứng kiến những chiếc ghe cập bến đầy phụ nữ với quần áo tòi tàn và tâm thần phờ phạt vì bị hãm hiếp trên biển cả, mới biết mình quả là may mắn.

Một may mắn khác là thời gian chúng tôi ra đi đúng vào dịp đầu năm âm lịch. Trên biển không sóng gió như trên sông, đúng như tục ngữ Việt Nam nói: Tháng ba (sóng êm đến nổi) bà già (cũng có thể) đi biển.

Ghe có hầm để chứa máy chính và đủ chỗ cho mọi người ngồi. Trên mũi có nơi cho người cầm cần lái điều khiển. Từ điểm xuất phát cho đến khi ra khá xa ngoài cửa biển, mọi người đều núp dưới hầm ghe. Qua ngày thứ hai, một số người lên boong ghe cho đỡ ngột ngạt.

Ghe đi được 3 ngày chẳng gặp tàu lớn hay ghe vượt biên nào khác, ngoài một tàu lặn của Hoa Kỳ nổi lên rồi lặn xuống không giúp đỡ, có thể họ đã không nhìn thấy hoặc không quan tâm đến ghe quá nhỏ của chúng tôi.

Chúng tôi bắt đầu lo ngại sau 4 ngày đi biển, vì lương thực đã cạn dần mà đất liền thì chẳng thấy đâu. Dù sao chúng tôi cũng tự an ủi vì có nhiều đàn cá voi bơi theo khá xa. Nhiều khi trong không gian quá yên tĩnh, chúng tôi muốn quên đi những lo âu, nên phải tìm cách ngủ để cố quên đi thực tế hiềm nghèo và những bất trắc đang chờ trước mặt.

Trục trặc lần thứ tư: Chân vịt bị hư

Chiều ngày thứ năm máy ghe vẫn hoạt động bình thường, nhưng ghe cứ xoay tròn tại một địa điểm. Chúng tôi nghĩ là có vật lạ bám vào chóng chóng chân vịt, hoặc một trong ba cánh quạt bị gãy. Tôi bình tĩnh suy nghĩ, nhưng Thành, em vợ tôi thì đã năn chí và ôm con than khóc, trong khi những người khác thì cầu nguyện. Thực là may mắn, vài giờ sau ghe lại đẩy về phía trước một cách bình thường, chúng tôi tiếp tục đi.

Trục trặc lần thứ năm: Gặp hải tặc lần đầu

Sang ngày thứ sáu, tôi nhìn thấy một tàu (ghe) lớn ở khá xa, nên tin đây là tàu buôn quốc tế do đó tôi tắt máy, dừng ghe để chờ giúp đỡ.

Khi ghe đến gần chúng tôi mới biết đó là tàu đánh cá. Mọi người hô to: chạy nhanh, chạy nhanh.

Nhưng đã quá trễ! Tôi chẳng còn biết làm sao! Các em và các bạn trai của tôi đều nhảy xuống biển và kêu vợ con ném phao cứu hộ. Trong khi đó các cô thiếu nữ trẻ đều đành ôm các con tôi, vì sợ bị cho là gái độc thân dễ bị hãm hiếp.

Khi ghe đánh cá tiến lại gần ghe chúng tôi, cỡ 2, hay 3 thước thì tôi quyết định nhanh chóng: nhảy sang ghe đánh cá và đề nghị họ muốn lấy món gì cứ lấy nhưng xin chớ hãm hại chúng tôi.

Khi nhìn thấy hành động của tôi, Cúc rất tán phục vì chưa bao giờ thấy tôi gan dạ đến như vậy.

Những người đánh cá này là người Thái Lan, chắc là theo đạo Phật nên không đến nỗi hung ác.

Họ bắt tôi tháo nhẫn cưới đưa cho họ, sau đó vài người qua ghe của chúng tôi lục soát.

Trước đó, khi thấy tàu đánh cá tiến gần đến ghe của chúng tôi, Cúc bảo mọi người nên bỏ ra chút ít vàng, với hi vọng họ sẽ để cho chúng ta an toàn sau khi tìm thấy vàng. Cúc bỏ ra một lượng, không rõ những người khác đóng góp bao nhiêu. Hình như họ có lấy được vài lượng vàng để ngay tại vách ghe, nơi lên xuống ghe. Nhìn thấy vẻ thảm thương của các đứa trẻ, những người cướp biển bắt đất dĩ này đã không nỡ lòng hãm hại chúng tôi. Sau đó họ cho vài mâm cơm với

đầy đủ cá cho trẻ con và để chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình. Lúc đó chúng tôi quá sợ, hồi hã nổ máy để chạy đi mà quên cả việc hỏi họ nơi đó là đâu để tìm cách vào bờ. Sau này tôi so sánh tài liệu thì biết vùng đó còn nằm trong vùng biển thuộc Thái Lan: Narathiwat hay Songkhla, gần biên giới Thái Lan và Mã Lai.

Trục trặc lần thứ sáu: Gặp hải tặc lần thứ hai

Sang ngày thứ bảy, ghe chúng tôi bị một tàu đánh cá lớn hơn đuổi theo với tốc độ rất nhanh. Tôi không thể chạy thoát đành ngừng lại. Đây cũng là những người đánh cá Thái Lan, họ cũng không hãm hại chúng tôi, chỉ lục soát ghe để tìm vàng. Cúc cũng áp dụng lối hành xử như gặp tàu đánh cá hôm qua, bỏ ra chút ít vàng, nhờ đó họ đã không hãm hại chúng tôi. Khi không còn tìm được gì và nhìn thấy cơm cá do tàu Thái Lan cho ngày hôm qua, nên họ chỉ lấy đi hai máy Kohler 3 mã lực (máy phụ chỉ dùng khi máy chính bị hư). Ngược lại họ cho chúng tôi ít dầu cho máy chính và bảo phải đổi hướng 90 độ để vào đất liền. Đây chính là may mắn tuyệt vời, vì nếu không gặp tàu đánh cá này, chúng tôi cứ tiếp tục đi về phía Nam, sẽ không bao giờ đến được Úc châu và có thể sẽ chết vì cạn dầu và hết lương thực.

Ánh sáng cuối đường hầm.

Chúng tôi đổi hướng 90 độ và tiếp tục đi theo hướng này suốt từ trưa đến giữa đêm thứ bảy. Khoảng 2 giờ sáng, tôi đang lái ghe với Thành thì nhìn thấy phía xa xa có ánh đèn. Nửa giờ sau, tôi nhìn rõ hơn thì đoán có thể đó là ánh đèn từ bờ biển Thái Lan hoặc Mã Lai.

Tôi bàn với Thành nên tắt máy, chờ đến sáng mới vào bờ vì nếu vào lúc này có thể bị cướp hoặc bị hãm hiếp. Tôi bảo Thành đừng cho ai biết, vì quá sung sướng mọi người sẽ nhảy tung lên và làm lật ghe.

Tôi ngồi nghỉ cho đỡ mệt và thầm cảm ơn Phật Trời đã giúp tôi nhìn được đất liền sau 7 ngày vượt biển. Đúng như ước nguyện của chúng tôi là đưa gia đình đến nơi an toàn. Tôi rất sung sướng vì có được vợ chồng Hà đi kịp chuyến này, nếu không tôi sẽ ân hận suốt đời. Hà là bạn thân của tôi từ khi tôi còn độc thân, đã hăng hái đóng góp tiền khi mới bắt đầu. Phần lớn những người còn lại, như vợ chồng Bút, đại úy Hải quân đi miễn phí, và các em cháu phía bên gia đình Cúc chỉ mới tham gia vào phút chót. Tôi không rõ Cúc đã thu được từ những người này bao

nhieu, hình như cũng đủ để mua nhà khi chúng tôi lên đảo Bidông sau này. Tôi đã không có ý định kiếm thêm người để thu thêm tiền khi vượt biên. Đây là điều tôi mãi nguyện suốt đời.

Khi mặt trời mọc, đủ sáng để chúng tôi đưa ghe vào bờ. Nhờ thủy triều cao, ghe vào được tận bên trong bãi biển. Lúc đó mới tảng sáng, nhưng đã có người địa phương đi dạo mát và tắm biển.

Chúng tôi vô cùng sung sướng vì đã thoát chết trên biển cả, nhưng không biết rằng nhiều hiểm nguy đang chờ chúng tôi.

Lối một giờ sau thì cảnh sát đến, họ yêu cầu chúng tôi tập trung vào một chỗ để kiểm tra và đợi lệnh của cấp trên. Sau đó họ bắt chúng tôi phải tự mình đẩy thuyền ra biển để đi nơi khác. Tôi có trình bày là không còn dầu để chạy máy. Phần khác thủy triều đã rút xuống rất nhanh, nên chúng tôi không thể đẩy thuyền trên cát với sức quá yếu sau 7 ngày thiếu ăn. Họ đành để chúng tôi tạm yên và cho biết sẽ cho tàu hải quân đến kéo ghe ra biển.

Chiều tối, tàu hải quân đến, nhưng chưa kịp kéo ghe thì tàu bỏ đi. Sau đó tôi mới biết là nhân viên của Cao ủy Liên Hiệp Quốc về Người Tỵ nạn (United Nations High Commissioner for Refugees , UNHCR), đi ngang qua và đã đồng ý nhận nhóm chúng tôi. Tôi cũng được biết đây là bãi biển TereTrengganu, thuộc Mã Lai.

Hôm sau, cảnh sát đem dụng cụ đến vây quanh khu chúng tôi ở với đường kính không quá 10 thước. Chúng tôi chẳng có gì để ăn và chẳng có gì để đắp khi đêm đến. Đêm đó, có mấy di phước từ tu viện gần bên đem bột bích chi đến cho các con chúng tôi. Cúc đã phải cắt bớt phần bột của các con để ăn tạm cho có sức qua ngày. Riêng tôi đã phải lấy lại những phần cơm cá cũ do tàu đánh cá Thái Lan cho 3 ngày trước để ăn cầm hơi.

Tuy nhiên mọi người đều sung sướng và tinh thần khá cao. Có ai đó đã ước: Ước chi có nàng tiên nào quanh đây mang cho ít mì gói thì tốt biết bao!

Tiên giáng trần

Sáng ngày thứ ba, tôi đang ngồi ngó ra đường và tiếp chuyện vài người Mã Lai hiếu kỳ. Kế đó có một thiếu nữ, lối 20 tuổi đến gặp tôi. Cô nói tiếng Anh lưu loát nên hiểu rõ hoàn cảnh của chúng tôi. Sau khi nói chuyện với cảnh sát đứng gác, Cô cho biết tên là Siew Choo và nói sẽ trở lại giúp đỡ. Chừng hai giờ sau, tôi thấy một chiếc xe van chạy đến và đậu sát hàng rào kẽm gai. Cảnh sát bước đến để kiểm tra. Trên xe, một vài người Mã Lai bước xuống, trong đó có cô Siew Choo.

Cô đem đến một xe van đủ mọi thứ, từ mền, khăn, dép nhựa, nước uống, nhiều thùng mì gói và cả sữa bột cho trẻ em. Siew Choo đúng là Tiên nữ giáng trần!

Siew Choo cho biết sẽ thường xuyên cung cấp thêm thực phẩm.

Vài ngày sau, chúng tôi được di chuyển đến một bãi biển khác, không kịp liên lạc để thông báo cho cô Siew Choo. Tuy nhiên cô đã có thông tin của chúng tôi để tiếp tục liên lạc và giúp đỡ ngay cả khi chúng tôi di chuyển đến đảo Bidông.

Tại Bidông chúng tôi có nhận được thư của Siew Choo cùng với 50 đô Mỹ. Từ đó chúng tôi giữ liên lạc. Năm 1985 Cúc về Việt Nam có ghé qua Mã Lai, thăm gia đình Siew Choo để cảm ơn. Siew Choo hiện đã lập gia đình và có hai con. Chúng tôi xem cô là người trong gia đình và thường xuyên liên lạc hoặc ghé thăm nhau mỗi khi chúng tôi có dịp đi Mã Lai.

Cuộc sống đầy sóng gió tại trại ty nạn Pidong

Sau một tháng ở tại bãi biển thứ hai, chúng tôi được di chuyển đến trại ty nạn Bidông vào tuần lễ cuối của tháng 3-1979.

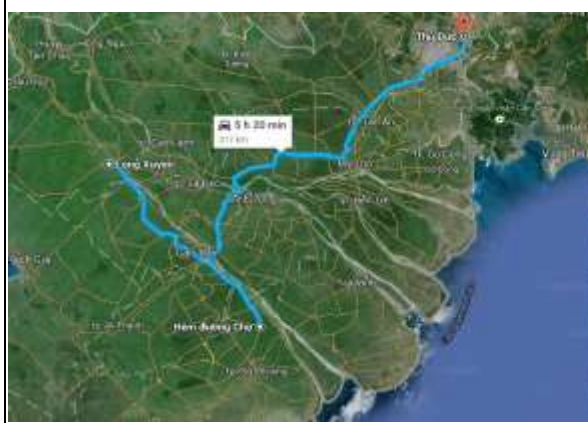
Đảo Pulau Pidong cách đất liền lối 12 cây số. Trước đây đảo này là nơi không có người ở.

Vào tháng 5-1975, nhóm ty nạn đầu tiên gồm 47 người Việt Nam cập bến đảo này. Ngày 8 tháng 8 năm 1978, chính phủ Mã lai chính thức lập trại ty nạn tại đảo Bidông. Đảo này khá lớn, vùng được dùng để lập trại ty nạn chỉ chiếm chừng 10% diện tích đảo, ở phía cực nam của đảo.

Năm 1979 số người ty nạn trung bình tại đảo là 28 ngàn người. Cao điểm là vào tháng 6-1979 với gần 40 ngàn người, chen chúc nhau trong một diện tích không hơn 1 dặm vuông; lúc đó chúng tôi đang ở đảo Bidông và đang có nguy cơ bệnh sốt xuất huyết tràn lan.

Chính chủ Pháp có đưa tàu bệnh viện L'Ile de Lumiere đến đảo Bidông để giúp đỡ người ty nạn. Hàng ngày Cúc đến tàu làm thiện nguyện còn tôi làm việc cho ban Điều hành trại Ty nạn và làm thông dịch viên cho các phái đoàn đến phỏng vấn để nhận người sang nước thứ ba.

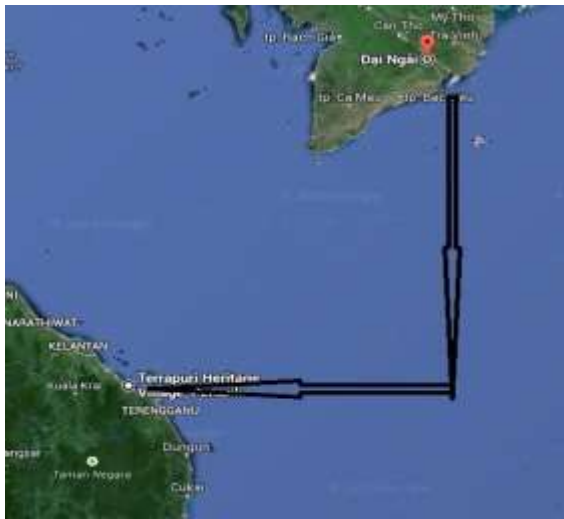
Điều kiện vệ sinh trên đảo rất kém. Trước đây chính phủ Mã Lai dự định đảo chỉ chứa lối 5,000 hay 6,000 người ty nạn. Nhưng thực tế con số người ty nạn tại đảo ngày một tăng. Cao điểm là vào tháng Sáu năm 1979 có lối 40,000 người ty nạn chen chúc nhau trên một diện tích chưa đầy 1 dặm vuông mỗi bề.



*Xuất phát từ Thủ Đức – Đi về Chợ Sóc
trăng và thành phố Long Xuyên*



*Tại cửa biển hai ghe không nhìn thấy nhau vì
sương mù dày đặc*



Hải hành Đại ngãi - TereTrenganu



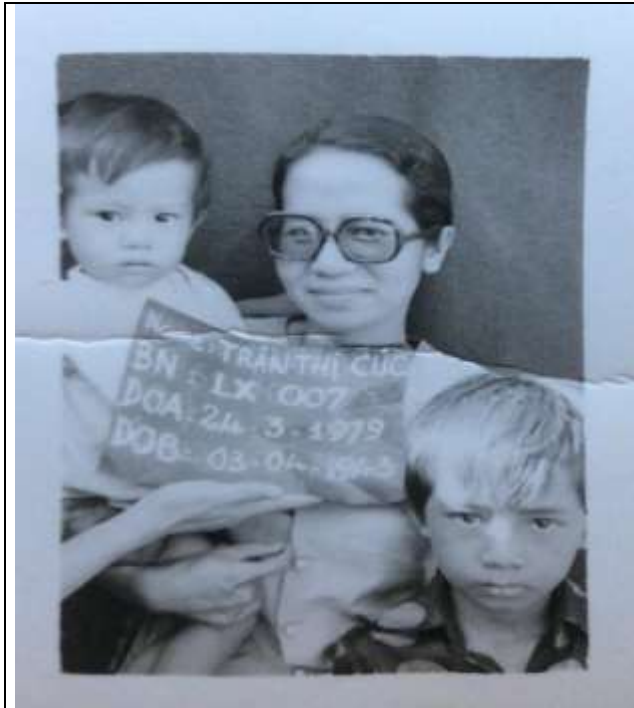
Đảo Biđông



*Hình bên cạnh do ký giả Josef Joffe
của báo Die Zeit chụp cảnh người tỵ
nạn tập trung lãnh nhu yếu phẩm.
Hình chụp vào mùa Hè 1979, thời
gian chúng tôi ở đảo Biđông.*

Hình trên cho thấy thực tế cuộc sống
tại đảo Biđông. Tuy là trại tỵ nạn,
nhưng cuộc sống của những người tỵ
nạn tại đây không giống nhau.

Có những người như phải ngủ trên giường làm bằng cây rừng thì cũng có những gia đình sống trong những túp lều khang trang với nệm ấm và quạt máy. Những người giàu phần lớn là chủ tàu, có rất nhiều tiền thu từ những người vượt biên. Họ sẵn sàng sống thoải mái tại đảo Bidông 3 đến 4 năm để chờ được nhận vào định cư tại Hoa Kỳ.



Cháu Minh – Cúc – cháu Trường



Cháu An – Văn – cháu Nhật

Khi đến đảo, mọi người đều phải chụp hình với chi tiết: ngày sinh, tên ghe và ngày đến đảo. Ghe của chúng tôi có số hiệu LX 007, đến đảo Bidông ngày 24 tháng 3-1979.

Cúc chụp với cháu Lê Quang Minh và cháu Lê Quang Trường. Tôi chụp với hai cháu Lê Quang An và Lê Quang Nhật. Đây là một trong những bức ảnh đẹp nhất trong cuộc đời của chúng tôi.

Đây là hình ảnh của bước khởi đầu một cuộc đời mới đến từ phép lạ của cuộc vượt biên. Đến từ sự chắt phác của những người trong gia đình ông Hai. Đến từ lòng nhân đạo của những người như cô Siew Choo. Đến từ lòng bao dung của chính phủ và dân chúng Canada sau này.

Tuy là trại tỵ nạn do UNHCR phụ trách, nhưng không có trại lán hay lều tạm trú. Người tỵ nạn phải tự lo liệu nơi ăn chốn ở. Không có dụng cụ khai thác rừng và phương tiện xây cất nhà cửa nên người tỵ nạn phải bỏ tiền ra mua nơi tạm trú.

Nhóm chúng tôi tạm thời chia tay vì không thể quản lý tất cả 30 người lớn nhỏ tại nơi hỗn tạp này. Gia đình chúng tôi cùng với các em và cháu của Cúc sống chung với nhau. Cúc là đầu đàn nên phải bỏ ra lối 5 lượng vàng để mua một chỗ ở tạm được với giường bằng cây rừng. Số vàng để mua nơi tạm trú này cũng như vàng để cho những người Thái Lan lấy, đều do các em cháu đóng góp trước khi ra đi. Sau này, khi rời đảo Bidông, chúng tôi chỉ còn duy nhất một lượng vàng.

Việc quan trọng đầu tiên khi đến đảo là gửi thư về Việt Nam để báo tin cho gia đình biết rõ hoàn cảnh của mình. Trước đây, khi ở các bãi biển, chúng tôi không có phương tiện liên lạc về quê nhà.

Sau đó là đi quanh trại tỵ nạn hi vọng sẽ tìm gặp được những người thân mà chúng tôi được biết họ đã vượt biên. Tôi gặp lại một số bạn cũ ở công ty Điện lực Việt Nam, như anh Hóa, phụ trách nhà máy điện tại trại tỵ nạn. Anh Huấn, trước đây là Giám đốc Nha Sản xuất Thủ Đô. Anh được mời tham gia ban điều hành trại tỵ nạn, nhưng từ chối và giới thiệu tôi làm phó trại.

Hàng ngày tôi làm việc tại văn phòng trại hoặc làm thông dịch viên cho các phái đoàn phỏng vấn. Phần lớn các người tỵ nạn gốc Hoa đều yêu cầu tôi nói giúp để các phái đoàn từ chối. Nếu được ba nước từ chối thì phái đoàn Mỹ mới nhận cho định cư tại Hoa Kỳ.

Cuộc sống tại trại tỵ nạn vô cùng hỗn tạp. Tuy có cảnh sát Mã Lai canh gác, nhưng băng đảng vẫn hoành hành. Họ là những người buôn lậu hàng hóa do các ghe đưa từ đất liền ra đảo. Họ đâm chém nhau ngay trước mắt chúng tôi. Không có chỗ để đi vệ sinh. Mọi người thực hiện việc này tại bãi vắng. Mỗi buổi sáng, hàng trăm người chờ nhau để đến các mỏm đá để đại tiện. Trẻ em thì đại tiện ngay trên bãi cát trống. Chúng cũng bơi lội trong vùng nước ngay bên cạnh.

Thực phẩm được cung cấp tạm đủ. Những người có tiền, có thể mua thêm thức ăn tại các tiệm nhỏ, do người tỵ nạn làm chủ với hàng hóa từ đất liền đem ra. Do đó có thể mua đủ mọi món hàng cho cuộc sống, nếu có tiền đô la hay vàng. Tiêu chuẩn UNHCR cấp cho mỗi người, từ 2 đến 3 đô la mỗi ngày. Tuy không nhiều nhưng khá cao so với tiêu chuẩn sống của người Mã Lai tại địa phương. Do việc UNHCR thu mua nhiều mặt hàng, nên hàng hóa tại địa phương tăng giá khiến cho dân chúng địa phương phản đối.

Hàng tiếp liệu được phát vào bất cứ lúc nào, khi có tàu đưa đến đảo. Các nhóm phải xếp hàng chờ đến phiên mình để nhận, bất luận ngày hay đêm. Thực phẩm cung cấp chủ yếu là gạo, mì, nước mắm, nước uống. Vài tuần mới có thịt.

Sau cả tháng chưa được ăn thịt, lần đầu tiên chúng tôi nhận được thịt bò vào lúc 2 giờ sáng. Khi có thịt, chúng tôi gọi mọi người dậy và thưởng thức món bít tết ngon chưa từng được hưởng.

Dù gian khổ đến đâu, mọi người đều chấp nhận vì tương lai sáng lạn đang ở trong tầm tay. Có người nhận được tin tức gia đình từ Việt Nam hay từ các nước trên thế giới nên rất lạc quan.

Giữa tháng 6-1979, gia đình tôi được phái đoàn Canada nhận. Chiều hôm đó, phái đoàn Úc cũng nhận chúng tôi. Sau cùng chúng tôi quyết định đi Canada. Cuối tháng 6-1979, gia đình tôi được lệnh đi về Kuala Lumpur để chuẩn bị khám sức khỏe trước khi sang Canada.

Từ đảo Bidông chúng tôi được đưa vào đất liền. Chúng tôi được phép mua sắm chút ít đồ dùng rồi lên xe buýt đậu sẵn ở bãi biển. Buổi chiều hôm đó tuy ảm đạm nhưng đối với chúng tôi là một ngày tươi sáng vì chẳng bao lâu nữa chúng tôi sẽ được đặt chân đến nước thứ ba. Khi còn ở trại tỵ nạn Bidông, chúng tôi luôn luôn bị ám ảnh là sẽ bị ở đây mãi mãi nếu có một bệnh dịch nào xảy ra. Mãi lai sẽ chẳng tha thiết gì về nhân quyền và sẽ cô lập đảo nếu có dịch đau màn óc. Đôi khi chúng tôi còn lo âu vì có thể các chương trình tiếp nhận người tỵ nạn sẽ chấm dứt.

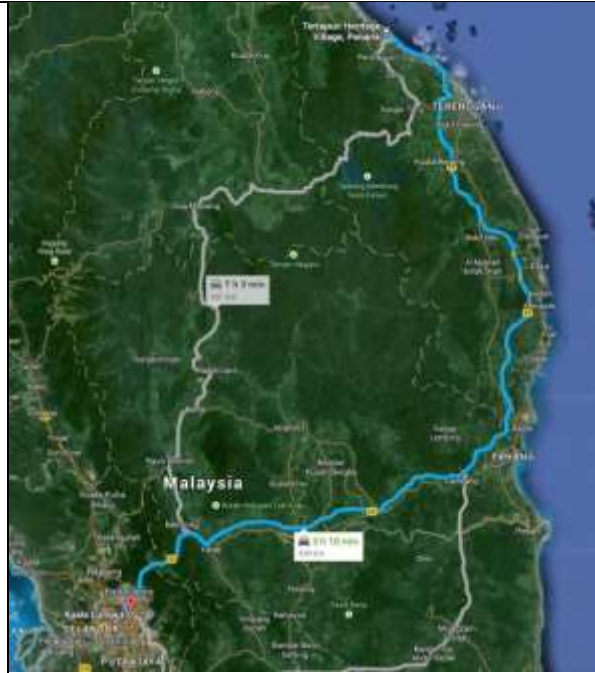
Trong thập niên 70-80, Canada chỉ là một nước nhỏ, không được biết nhiều tại Việt Nam. Tuy nhiên đối với chúng tôi, ước nguyện ngay từ khi vượt biên là được định cư ở bất cứ nước nào. Có sống tại trại tỵ nạn Bidông, có nhìn những chiếc ghe bị hải tặc cướp bóc và hãm hiếp, mới thấy được thân phận của người vượt biên. Chúng ta chỉ thấy, qua báo chí, hình ảnh của những cuộc đón tiếp tung bừng khi sang nước thứ ba, chứ chúng ta ít khi thấy cảnh con người trong thân xác tàn tạ hay tâm thần không ổn định.

Tôi làm việc ở trại tỵ nạn Bidông trong ba tháng qua, đã chứng kiến những cảnh tang thương hơn những gì mà gia đình chúng tôi đã trải qua. Đúng là chúng tôi đã được tái sinh trên cõi đời này!

Do vấn đề an ninh nên xe buýt đưa chúng tôi về Kuala Lumpur chạy vào ban đêm. Bắt đầu khởi hành lúc 8 giờ tối. Đến sáng hôm sau chúng tôi sẽ đến Trại Tạm trú ở Kuala Lumpur. Khi ngồi trên xe buýt chờ giờ khởi hành, vài thanh niên Mã lai có đến gần cửa xe hỏi thăm. Họ mừng cho chúng tôi và chúc thành công tại quê hương mới. Tự nhiên tôi cảm thấy lâng lâng trong lòng và cần rãng tự nguyện: mình sẽ làm lại cuộc đời; các con tôi chắc chắn sẽ thành công. Tôi chỉ là một cá nhân nhỏ bé trong cuộc chiến tranh không cần thiết và một chế độ vô lương tâm mà Cộng sản đã áp đặt trên quê hương mình. Chúng tôi phải phấn đấu để thành công trên xứ người! Chúng tôi đã không chết khi vượt biên! Chúng tôi không thể để cho các con chúng tôi thất bại!



Sinh hoạt thường ngày tại Bidông



Đi bằng xe buýt từ Merang về Kuala Lumpur

Chúng tôi ở tại thủ đô Mã lai khoảng một tháng. Trong khi ở tại Kuala Lumpur, tôi cũng làm trại trưởng và thông dịch viên giúp người tỵ nạn. Ngoài công việc thường ngày, tôi còn giúp các bà nữ tu trong việc đổi vàng lấy tiền. Tôi có dịp đưa người tỵ nạn đến bệnh viện địa phương nên biết được cuộc sống của người Mã Lai. Tình trạng an ninh tại Trại Tạm trú ở Kuala Lumpur khá hơn ở trại tỵ nạn Bidông rất nhiều. Vì biết là sẽ được đi định cư ở nước thứ ba nên con người trở nên hiền hòa, nhã nhặn. Vật tùy thân và tư trang để quên trong phòng vệ sinh không bị mất.

Sau khi bồi bổ sức khỏe tại trại chuyển tiếp, chúng tôi bay sang Canada. Chúng tôi phải làm đơn vay tiền mua vé máy bay đi Canada.

Gia đình chúng tôi được một nhóm người Canada tại nhà thờ ở Barwick – Fort Frances, miền Bắc tỉnh bang Ontario bảo trợ. Khi còn ở trại chuyển tiếp ở Kuala Lumpur, tôi có nhìn vào bản đồ Canada và thấy Barwick là một vùng hẻo lánh, tận phía Bắc của tỉnh bang Ontario.

Lòng rất buồn, nhưng tự an ủi là sau này sẽ tìm cách về thành phố lớn để sinh sống, sẽ có cơ hội phấn đấu để tạo lập một tương lai sáng lạn hơn. Tôi luôn luôn lạc quan và luôn nhìn về tương lai!